

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS - ST
Ngày: 17 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Mỹ
- Ông Mai Văn Bé Em

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K

Trụ sở: Số 40 – 42 – 44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Trung V – Chức vụ: Phó tổng giám đốc ngân hàng TMCP K (Theo Quyết định số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023)

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Huỳnh Quang Minh V – Chức vụ: Phó giám đốc quan hệ khách hàng cá nhân - ngân hàng TMCP K, chi nhánh Rạch Giá. (Theo Quyết định số 211/QĐ-NHKL ngày 11/02/2025) (có mặt)

Bị đơn: Bà Từ Bích K1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Ông Lưu Tuấn K2, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 38/25 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:

Vợ chồng bà Từ Bích K1 và ông Lưu Tuấn K2 có ký kết với ngân hàng K – chi nhánh Rạch Giá hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1475747/HĐTD-CC ngày 14/9/2023, cụ thể như sau: Số tiền vay 50.000.000 đồng; thời hạn vay 150 ngày, từ ngày 14/9/2023 đến ngày 11/02/2024; lãi suất vay 17%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả là 10%/ năm; phương thức trả nợ: trả góp nợ gốc và tiền lãi vay theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 15/9/2023 đến ngày 11/02/2024, số tiền trả mỗi ngày là 356.618 đồng, ngày cuối là 357.118 đồng.

Tuy nhiên, bà K1 và ông K2 không thực hiện đúng theo cam kết trả nợ đã giao kết tại hợp đồng. Hiện tại khoản vay đã quá hạn thanh toán; Số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/3/2025) là: nợ gốc 43.332.900 đồng; nợ lãi trong hạn 2.623.718 đồng; nợ lãi quá hạn 12.109.468 đồng; tổng cộng là 58.066.086 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K1 và ông K2 phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính nêu trên; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 18/3/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra, theo hợp đồng tín dụng thì bà K1 và ông K2 có cầm cố tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ; tài sản cầm cố là xe mô tô Atilaeliza biển số 68X1-28533; thực tế thì ngân hàng không thu giữ tài sản của khách hàng mà chỉ lập hợp đồng cầm cố để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ; tuy nhiên do hiện nay không liên lạc được với bà K1 và ông K2 và không nắm giữ thông tin về tài sản này, nên ngân hàng không khởi kiện yêu cầu việc xử lý tài sản cầm cố.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Quang Minh Vũ - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn bà Từ Bích K1 và ông Lưu Tuấn K2: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ gốc 43.332.900 đồng; nợ lãi trong hạn 2.623.718 đồng; nợ lãi quá hạn 12.109.468 đồng; tổng cộng là 58.066.086 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 18/3/2025 đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Đồng thời buộc bị đơn chịu án phí có giá ngạch với số tiền là 2.903.304 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP K tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Từ Bích K1 và ông Lưu Tuấn K2, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà K1, ông K2 là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà K1, ông K2 như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; bị đơn bà K1, ông K2 đã được Tòa

án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà K1, ông K2.

[2] Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn bà K1, ông K2 không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, bà K1, ông K2 đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về Hợp đồng tín dụng:

Giữa ngân hàng TMCP K - chi nhánh Rạch Giá và vợ chồng bà Từ Bích K1, ông Lưu Tuấn K2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1475747/HĐTD-CC ngày 14/9/2023; với số tiền vay: 50.000.000 đồng; thời hạn vay 150 ngày, từ ngày 14/9/2023 đến ngày 11/02/2024; lãi suất vay 17%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả là 10%/ năm; phương thức trả nợ: trả góp nợ gốc và tiền lãi vay theo định kỳ hàng ngày, kể từ ngày 15/9/2023 đến ngày 11/02/2024, số tiền trả mỗi ngày là 356.618 đồng, ngày cuối là 357.118 đồng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng TMCP K - chi nhánh Rạch Giá và bà K1, ông K2 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà K1, ông K2 chỉ thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận từ ngày 15/9/2023 đến ngày 03/10/2023 (tổng cộng 19 ngày) với số tiền nợ gốc đã trả được là 6.667.100 đồng và lãi trong hạn đã trả là 108.642 đồng.

Bắt đầu từ ngày 04/10/2023 bà K1, ông K2 ngưng việc trả nợ theo thỏa thuận; như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 2 của hợp đồng mà hai bên giao kết; cụ thể là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn, nợ lãi trong hạn từ ngày 04/10/2023; khoản vay được xác định chuyển nợ quá hạn từ ngày 11/02/2024 cho đến nay.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết; xét thấy buộc vợ chồng bà K1, ông K2 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ vay gốc, lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi quá hạn cho ngân hàng là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà K1, ông K2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/3/2025, bao gồm các khoản: Nợ gốc 43.332.900 đồng; nợ lãi trong hạn 2.623.718 đồng; nợ lãi quá hạn 12.109.468 đồng; tổng cộng là 58.066.086 đồng; đồng thời buộc bị đơn bà K1, ông K2 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng từ ngày 18/3/2025 cho đến khi thanh toán dứt điểm hợp đồng.

[4] Ngoài ra, theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà K1 và ông K2 có cầm cố tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ; tài sản cầm cố là xe mô tô Atilaeliza biển số 68X1-28533. Ngân hàng xác định không thu giữ tài sản cầm cố của khách hàng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung liên quan, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn bà K1, ông K2 phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 58.066.086 đồng, án phí được xác định là 2.903.304 đồng (58.066.086 đồng x 5%).

Nguyên đơn ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.166.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007531 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Từ Bích K1 và ông Lưu Tuấn K2.

2. Buộc bà Từ Bích K1 và ông Lưu Tuấn K2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay tạm tính đến ngày 17/3/2025 gồm nợ gốc: 43.332.900 đồng; nợ lãi trong hạn 2.623.718 đồng; nợ lãi quá hạn 12.109.468 đồng; tổng cộng là 58.066.086 đồng (năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm tám mươi sáu đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/3/2025 đến khi trả hết nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Từ Bích K1 và ông Lưu Tuấn K2 phải chịu án phí là 2.903.304 đồng (hai triệu chín trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.166.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007531 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm